

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2017/HSST**

Ngày: 04/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Thanh Tòng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Trần Văn Tùng**.

2/ Bà **Hồ Thị Lan Hương**.

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Huỳnh Minh Hiền** – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*
Ông **Lê Quốc Bảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2017/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

- **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1997; tại Bến Tre;

ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Nghề nghiệp: Không;

Trình độ văn hóa: 02/12;

Con ông Mai Thanh P và bà Nguyễn Thị Bích T;

Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: 02 tiền án:

+ Ngày 11/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 01/9/2015 chấp hành xong;

+ Ngày 27/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 19/7/2016 chấp hành xong.

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 03/01/2017, bị Ủy ban nhân dân xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ra quyết định số 01 về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2017. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

- Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Quách Thị Ngọc T, sinh năm 1995; ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Nguyễn Duy B, sinh năm 1986; ĐKTT: ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Nguyễn Văn T, sinh năm 1996; ĐKTT: Số 115, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn Văn A, sinh năm 1992; ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Phan Thị N, sinh năm 1967; ĐKTT: Ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Văn N là đối tượng nghiện ma túy, không nghề nghiệp, có nhiều tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, sau khi đã chấp hành xong hình phạt tù, N không sửa đổi mà lại tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ, ngày 11/02/2017, Nguyễn Văn N đi bộ ngang nhà anh Nguyễn Văn H tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre thấy xe mô tô biển số 71B2-451.20 để trước nhà không người trông coi, N nảy sinh ý định lấy tài sản, liền đi vào dẫn xe đi một đoạn mở dây điện khởi động máy xe chạy về nhà đổi biển số giả, để biển số 71B2-451.20 ở nhà. Sau đó, N đổi xe trên với xe của Nguyễn Văn A. Vài ngày sau, N lấy lại xe rồi đem bán cho người (không rõ họ tên, địa chỉ) ở Tiền Giang được 1.000.000 đồng tiền xài cá nhân. Tài sản không thu hồi được. Tài liệu, đồ vật tạm giữ: 01 giấy đăng ký xe 71B2-451.20.

Ngày 07/3/2017, Hội đồng định giá - Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có Kết luận số 120/KL-HĐĐG kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu WARER, biển số 71B2-451.20 có giá trị 3.500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 21 giờ, ngày 15/02/2017, Nguyễn Văn N đi bộ ngang nhà trọ Liên Oanh khu vực thuộc ấp An Phú, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thấy xe mô tô biển số 71B3-080.12 của anh Nguyễn Duy B để ở thêm ba phòng trọ không có người trông coi, N liền mở cửa rào đi vào dẫn xe đi được một đoạn tháo bỏ kính chiếu hậu bên phải, dẫn xe về nhà tháo bỏ biển số 71B3-080.12 gắn biển số 71B2-451.20. Sau đó, N đang sử dụng xe trên thì bị lực lượng Công an xã Tân Thạch phát hiện, N thấy lực lượng Công an nên bỏ chạy để lại xe. Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô gắn biển số 71B2-451.20, 01 cặp gương chiếu hậu, 01 biển số 71B3-080.12.

Ngày 07/3/2017, Hội đồng định giá - Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có Kết luận số 121/KL-HĐĐG kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 71B3-080.12 có giá trị 20.100.000 đồng; 01 bóp da kiểu nam không xác định được giá trị. Tổng giá trị tài sản 20.100.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào đêm ngày 21 rạng sáng ngày 22/02/2017, Nguyễn Văn N đi bộ ngang nhà của bà Phạm Thị Cẩm V, ngụ ấp T, xã Tân T, huyện C, tỉnh Bến Tre thấy xe mô tô biển số 71B2-739.21 của anh Nguyễn Văn T để thềm ba không người trông coi. N liền đi vào dẫn xe đi một đoạn dùng tay mở dây điện khởi động máy xe chạy về nhà sơn một số bộ phận xe, đến sáng N điều khiển xe đến tiệm sửa xe của anh Lý Anh N mượn phụ tùng để tháo ráp xe thì bị lực lượng Công an xã Tân Thạch phát hiện, thấy lực lượng Công an N sợ bị bắt nên bỏ chạy để lại xe, Công an tạm giữ xe 71B2-739.21. Vật chứng thu giữ: xe mô tô biển số 71B2-739.21.

Ngày 07/3/2017, Hội đồng định giá - Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có Kết luận số 119/KL-HĐĐG kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu ZONGSHEN, biển số 71B2-739.21 có giá trị 2.200.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, A khai khi đổi xe với N không biết xe N trộm cắp mà có. Anh H yêu cầu N bồi thường số tiền 3.500.000 đồng. Anh B đã nhận xe mô tô biển số 71B3-080.12, hai gương chiếu hậu. Anh T đã nhận xe mô tô biển số 71B2-739.21 và anh B, anh T không có yêu cầu nào khác.

Cáo trạng số 45/KSĐT-KT ngày 22/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ Luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 03 năm đến 04 năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận anh B đã nhận lại xe mô tô biển số 71B3-080.12, hai gương chiếu hậu; anh T đã nhận xe mô tô biển số 71B2-739.21 và anh B, anh T không có yêu cầu nào khác. Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Văn H theo quy định pháp luật.

* Xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số 71B2-451.20 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B2-451.20 do không có giá trị sử dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người người bị hại Nguyễn Duy B, Nguyễn Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn A, Phan Thị A vắng mặt. Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử do sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét

xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại Điều 191 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1999.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra, hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của người bị hại về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định vào các ngày từ 11/02/2017 đến ngày 22/02/2017, bị cáo Nguyễn Văn N đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ, ngày 11/02/2017, tại khu vực thuộc ấp Tân An Thượng, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 71B2-451.20 của anh Nguyễn Văn H có giá trị là 3.500.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào khoảng 21 giờ, ngày 15/02/2017, tại khu vực thuộc ấp An Phú, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, bị cáo lén lút trộm xe mô tô biển số 71B3-080.12 của anh Nguyễn Duy B có giá trị là 20.100.000 đồng.

- Lần thứ ba: Vào đêm ngày 21 rạng sáng ngày 22/02/2017, tại khu vực thuộc ấp Tân An Thị, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, bị cáo lén lút trộm xe mô tô biển số 71B2-739.21 của anh Nguyễn Văn T có giá trị là 2.200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo N đã chiếm đoạt là 25.800.000 đồng.

Hành vi của bị cáo N là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ.

Bản thân bị cáo đã có 02 tiền án về hành vi “Trộm cắp tài sản” vào các năm 2015, năm 2016 chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội cho thấy sự xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” như Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động chính đáng bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của người bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, trên thực tế bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

Xét tình tiết tăng nặng: Trong thời gian ngắn bị cáo thực hiện liên tiếp 03 lần trộm cắp tài sản của người khác là tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về nhân thân: Ngày 03/01/2017 bị cáo bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 lần bị tòa án xét xử vào năm 2015, 2016 về tội trộm cắp tài sản.

Xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và có tính phòng ngừa chung.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận anh Nguyễn Duy B đã nhận lại xe mô tô biển số 71B3-080.12, hai gương chiếu hậu và không có yêu cầu gì thêm.

- Ghi nhận anh Nguyễn Văn T đã nhận xe mô tô biển số 71B2-739.21 và không có yêu cầu gì thêm.

- Anh Nguyễn Văn H, chị Quách Thị Ngọc T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô biển số 71B2-451.20 là 3.500.000 đồng. Bị cáo cũng đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường giá trị xe như yêu cầu của anh H chị T là phù hợp.

* Xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) biển số 71B2-451.20 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B2-451.20 là những vật chứng liên quan trong vụ án hiện nay do không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

* Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N bị kết án nên phải chịu án phí là 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường nên phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ Luật hình sự năm 1999:

1/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2017.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

2/ Trách nhiệm dân sự :

- Ghi nhận Anh Nguyễn Duy B đã nhận lại xe mô tô biển số 71B3-080.12, hai gương chiếu hậu và không có yêu cầu gì thêm.

- Ghi nhận anh Nguyễn Văn T đã nhận xe mô tô biển số 71B2-739.21 và không có yêu cầu gì thêm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho anh Nguyễn Văn H và chị Quách Thị Ngọc T số tiền là 3.500.000 (*Ba triệu năm trăm nghìn*) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bị cáo chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

3/ Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số xe 71B2-451.20 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B2-451.20.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/6/2017 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành và Cơ quan Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre).

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4/ Về án phí :

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- STP tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện;
- Bộ phận HS CA huyện;
- UBND X. Tân T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thanh Tòng